| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 221/2025/DS-ST
Ngày 30/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tâm.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Bích Vân.
Bà Võ Thị Hiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST- DS ngày 14/4/2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị A, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (nay là khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc V, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long)

- *Bị đơn:* Ông Tô Thanh H, sinh năm 1969.
Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

Ông Tô Thanh H, bà Trần Thị Kim L vắng mặt không lý do; ông Bùi Quốc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/8/2025 của nguyên đơn bà Ngô Thị Anh . Bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quốc V trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà A đã nhiều lần cho ông H, bà L vay với tổng số tiền là 4.200.000.000 đồng, cụ thể:

+ Lần 1: ngày 03/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 200.000.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 06/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 1.000.000.000 đồng.

+ Lần 3: ngày 08/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 1.000.000.000 đồng.

+ Lần 4: ngày 09/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 200.000.000 đồng.

+ Lần 5: ngày 13/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 200.000.000 đồng.

+ Lần 6: ngày 14/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 600.000.000 đồng.

+ Lần 7: ngày 15/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 100.000.000 đồng.

+ Lần 8: ngày 29/01/2023: bà A cho ông H bà L vay 100.000.000 đồng.

+ Lần 9: ngày 28/3/2023: bà A cho ông H bà L vay 400.000.000 đồng.

+ Lần 10: ngày 23/6/2023: bà A cho ông H bà L vay 400.000.000 đồng.

Khi vay tiền có lập biên nhận, biên nhận này do ông H bà L ký và ghi rõ họ tên, hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, ông H bà L đóng lãi đến tháng 9/2023 thì không đóng lãi cho bà A nữa.

Ngoài cho ông H, bà L vay tiền nói trên thì bà A có cho ông H bà L mượn số tiền 1.220.000.000 đồng và bà A đầu tư vào ghe của vợ chồng ông H, bà L với số tiền 400.000.000 đồng. Việc cho mượn và đầu tư này hai bên thỏa thuận không có lãi suất.

Như vậy, tổng số tiền mà ông H, bà L còn nợ bà A là: 5.820.000.000 đồng (Năm tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng). Khi bà A yêu cầu trả nợ thì ông H, bà L cứ hứa hẹn nhưng đến nay chưa trả.

Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền là 5.820.000.000 đồng (năm tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/8/2025, nguyên đơn bà Ngô Thị A xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.620.000.000 đồng. Trong đó, số tiền cho mượn 1.220.000.000 đồng và số tiền 400.000.000 đồng mượn ngày 23/6/2023.

Bà Ngô Thị A yêu cầu ông Tô Thành H1 và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền 4.200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản làm việc 11/9/2025 ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L trình bày:

Ông H và bà L thừa nhận có nợ của bà Ngô Thị A tổng số tiền 4.200.000.000 đồng, ông bà đồng ký có ký tên vào các giấy nhận nợ mà phía bà A đã cung cấp. Hiện tại ông bà chưa trả số nợ nói trên cho bà A. Nay trước yêu cầu của bà A buộc ông bà phải trả cho bà A số tiền còn nợ là 4.200.000.000 đồng thì ông bà cũng đồng ý.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông H, bà L tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H, bà L vẫn vắng mặt không lý do. Ông Bùi Quốc V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tô Thanh H, bà Trần Thị Kim L và ông Bùi Quốc V.

[2] Nội dung vụ án: Bà Ngô Thị A khởi kiện yêu cầu ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền còn nợ 4.200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, tuy suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các thông báo ông H, bà L tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà L vẫn không đến Tòa giải quyết vụ án. Nhưng đến ngày 11/9/2025 Tòa án đã làm việc được với ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L để xác định nội dung đơn khởi kiện của bà Ngô Thị A nhưng sau đó ông H và bà L vẫn vắng mặt không lý do. Nhưng phía bà A đã chứng minh được ông H, bà L còn nợ của bà A số tiền 4.200.000.000 đồng, căn cứ vào giấy có nội dung mượn tiền (bút lục 27, 28) mà phía bà A đã cung cấp. Mặt khác, ông H, bà L cũng thừa nhận có nợ của bà A số tiền 4.200.000.000 đồng và chưa trả số tiền này cho bà A, thừa nhận có ký vào các giấy nhận nợ mà phía bà A cung cấp cho Tòa án và đồng ý trả cho bà A số tiền còn nợ là 4.200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa bà A và ông H, bà L đã thống nhất với nhau về số tiền mà ông H, bà L còn nợ bà A. Trước yêu cầu đòi nợ của bà A thì ông H, bà L cũng đồng ý trả nên ghi nhận. Căn cứ vào các giấy mượn tiền không đề ngày chỉ đề năm 2023 (bút lục 27, 28) không ghi rõ thời hạn trả nợ nhưng từ khi bà A khởi kiện yêu cầu ông H, bà Liên thanh T tiền nợ nói trên nhưng ông H, bà L chưa thanh toán cho bà A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Về lãi suất: Quá trình thực hiện việc vay tiền bà A thừa nhận mức lãi suất thỏa thuận với ông H, bà L là 6%/tháng và ông H, bà liên đóng lãi được đến tháng 09/2023. Nhưng nay bà A không yêu cầu tính lãi tiếp đối với số tiền ông H, bà L đã vay. Mặt khác, qua làm việc ông H, bà L chấp nhận với mức lãi suất đã thỏa thuận nên không yêu cầu tính lãi lại. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hợp đồng vay giữa bà A với ông H, bà L có thỏa thuận lãi suất do đó nếu tính lãi suất từ ngày vay của các khoản nợ nói trên tính đến ngày xét xử là cao hơn số tiền lãi mà bà A đã nhận của ông H, bà L đồng thời ông H, bà L cũng không yêu cầu tính lãi lại nên không phải xem xét tính lãi lại theo quy định pháp luật, mặt khác bà A không tiếp tục tính lãi là có lợi cho ông H, bà L nên ghi nhận.

Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc ông H, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền còn nợ là 4.200.000.000 đồng.

[3] Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 1.620.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L phải có nghĩa vụ liên đới chịu trên số tiền 4.200.000.000 đồng mà yêu cầu của bà A được chấp nhận, được tính như sau: (112.000.000 đồng + (0.1% x 200.000.000 đồng)) = 112.200.000 đồng.

Bà Ngô Thị A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, 228; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị A đối với bị đơn ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào "Giấy có nội dung mượn tiền" không đề ngày nhưng đề năm 2023.

Buộc ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị A số tiền 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn yêu cầu ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 1.620.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Tô Thanh H và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Ngô Thị A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định đối với người cao tuổi nên không phải xử lý.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

[6] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- VKSND KV 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Phạm Minh Tâm**